SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Thời gian ký: 2024-12-16T17:18:19+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3458 /QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực cồn Trường, thôn 7, xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực cồn Trường, thôn 7, xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 56/CV-ĐTNA ngày 27/11/2024 của Công ty Cổ phần Đại Thắng Nghệ An về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 8942/STNMT-BVMT ngày 12/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực cồn Trường, thôn 7, xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Đại Thắng Nghệ An làm Chủ Dự án (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Anh Sơn; Chủ tịch UBND xã Đỉnh Sơn; Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thắng Nghệ An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đệ

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC MỎ ĐẤT SAN LẤP TẠI KHU VỰC CỒN TRƯỜNG, THÔN 7, XÃ ĐỈNH SƠN, HUYỆN ANH SƠN

(kèm theo Quyết định số: 3458 /QĐ-UBND ngày 16 /12 /2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực cồn Trường, thôn 7, xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn.

- Địa điểm thực hiện: xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Chủ Dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đại Thắng Nghệ An.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án đã được UBND tỉnh cấp phép thăm dò tại Giấy phép số 469/GP-UBND ngày 27/2/2023, phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 07/8/2023, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 với diện tích 2,62ha.

- Quy mô Dự án:

+ Tổng diện tích đất sử dụng thực hiện Dự án là 2,62ha, các khu phụ trợ được bố trí trong khu vực ranh giới mỏ;

+ Trữ lượng theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 16/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 02/02/2024 do UBND tỉnh Nghệ An cấp; cụ thể:

++ Trữ lượng khoáng sản (nguyên khối) huy động vào thiết kế khai thác là 633.954m^3 (trong đó trữ lượng đất san lấp là 452.861m^3, trữ lượng đất sét sản xuất gạch là 181.093m^3);

++ Trữ lượng khoáng sản khai thác (nguyên khối) là 552.498m^3, tương đương 712.723m^3 nguyên khai; trong đó, trữ lượng đất san lấp là 394.731m^3, trữ lượng đất sét sản xuất gạch là 157.767m^3.

- Công suất Dự án:

+ Từ năm thứ 1 đến năm thứ 8 khai thác với công suất 82.000m^3 đất/năm (tương đương với 63.567m^3 đất nguyên khối); trong đó:

++ Đất san lấp: 59.000m^3 (tương đương 45.737m^3 đất nguyên khối);

++ Đất sét làm gạch: 23.000m^3 (tương đương 17.830m^3 đất nguyên khối).

+ Năm thứ 9: 56.723m^3 (tương đương với 43.962m^3 đất nguyên khối); trong đó:

++ Đất san lấp: 37.203m^3 (tương đương 28.835m^3 đất nguyên khối);

++ Đất sét làm gạch: 19.520m^3 (tương đương 15.127m^3 đất nguyên khối).

- Thời gian hoạt động của Dự án: 09 (chín) năm kể từ ngày cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: xúc bốc - vận tải.

- Hệ thống khai thác: hệ thống khai thác lớp bằng vận tải trực tiếp.

- Trình tự khai thác: khai thác theo hướng mở rộng từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới với cao độ +75,7m đến cao độ +28m là dừng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính

- Mở vỉa: vị trí phía Tây khu vực mỏ gần mốc số 1, cao độ +35m. Từ điểm A có cao độ +35m, tọa độ (X=2105900m; Y=523902m) nằm ở đường vào mỏ trong khu vực khai thác mở đường hào vận tải bám theo sườn núi lên đỉnh trung tâm mỏ tại điểm B có cao độ +65m, tọa độ (X=2105816m; Y=524002m) chiều dài 300m, lòng đường rộng 7m.

- Mặt bằng khai thác đầu tiên: tại cao độ +65m; diện tích mở vỉa 1.220m^2; khối lượng thi công 4.250m^3.

b. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà điều hành: lắp đặt 01 container 20ft nằm trong phạm vi mỏ, vị trí gần cạnh A-B, cao độ +30m, diện tích 25m^2 phục vụ cho công nhân làm việc trên mỏ.

- Trạm cân: lắp đặt 01 trạm cân 80 tấn nằm trong khu vực mỏ, tại vị trí cổng ra vào mỏ gần cạnh A-B. Kiểu cân nổi, kích thước bàn cân 3m x 8m, khả năng chịu quá tải 120% mức tải tối đa.

c. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Công trình giảm thiểu bụi: xây dựng cầu rửa xe ở khu vực cổng ra vào trên đường nội mỏ (gần cạnh A-B) phía Tây Bắc của Dự án, kích thước 12m x 3,5m x 0,3m.

- Công trình thu gom, xử lý và thoát nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn về hố lắng với tổng chiều dài 400m; chiều sâu 1,0m; rộng trên 1,5m; rộng đáy 0,5m. Khối lượng thi công 400m^3;

+ Hố lắng: hố lắng có thể tích 300m^3, hố lắng có kích thước 10m x 15m, sâu 2m, được bố trí tại khu vực gần mốc số 3 của mỏ.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại container 20ft, vật liệu bằng composite, có bồn chứa nước thải sinh hoạt bằng Composite dung tích 2m^3/bồn.

- Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Khu vực lưu giữ đất bóc hữu cơ: bố trí tại phía Đông Bắc, gần mốc số 2, diện tích 1.500m^2, chiều cao đổ thải trung bình 6m. Để đảm bảo an toàn của bãi thải, cũng như hạn chế lượng bùn đất cuốn trôi ra môi trường xung quanh thì khu vực đổ đất phủ sẽ được đắp đê bao ở phía chân (của bãi thải) cao 3,0m và đầm nén chặt K = 0,98, đất bóc phủ sẽ được sử dụng để hoàn thổ và cải tạo, phục hồi môi trường sau này;

+ Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 kho trong container có diện tích 2,25m^2 (được bọc kín bằng tôn kín; có mái che; lắp đặt biển báo; kích thước khoảng 1,5m x 1,5m; mặt sàn không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào) trong đó bố trí 03 thùng composites dung tích 50 lít, có nắp đậy, có màu khác nhau, dán nhãn chất thải sinh hoạt theo phân loại rác;

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: bố trí 01 kho chất thải nguy hại trong container có diện tích 2,25m^2 (được bọc kín bằng tôn kín; có mái che; lắp đặt biển báo; kích thước khoảng 1,5m x 1,5m; mặt sàn không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào) trong đó bố trí 03 thùng composites dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại.

1.4.2. Hoạt động của Dự án đầu tư

- Hoạt động phát quang thảm thực vật, thu dọn sinh khối cành, lá, rễ và đào đất bóc phủ trong phạm vi khu vực Dự án.

- Hoạt động mở vỉa, tạo mặt bằng khai thác đầu tiên; lắp đặt xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ; công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

- Hoạt động khai thác đất san lấp: từ năm thứ 1 đến năm thứ 8 khai thác với công suất 82.000m^3 đất nguyên khai/năm, tương đương 63.567m^3 đất nguyên khối/năm; năm thứ 9 khai thác với trữ lượng còn lại là 59.723m^3 đất nguyên khai/năm, tương đương 43.962m^3 đất nguyên khối/năm.

- Hoạt động vận chuyển: thực hiện mở và sử dụng đường vận chuyển ngoại mỏ với chiều dài tuyến 90m, rộng khoảng 7m (tuyến đường được mở và sử dụng vận chuyển nằm trong các thửa đất thuộc sở hữu của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); được UBND huyện Anh Sơn hướng dẫn đấu nối vào tuyến đường huyện lộ ĐH349C theo Công văn số 2360/UBND-TCKH ngày 15/11/2023 và UBND xã Đỉnh Sơn xác nhận tại Công văn 86/CV-UBND ngày 5/9/2024.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất của vùng đệm khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An với diện tích 2,62ha, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công làm đường nội mỏ tạo mặt bằng thi công, thi công các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực Dự án. Bụi, tiếng ồn và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng không khí khu vực. Việc tập trung công nhân trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt có khả năng tác động đến môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động từ quá trình khai thác phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực Dự án. Quá trình khai thác phát sinh đất phủ bề mặt có khả năng tác động đến môi trường đất, môi trường nước khi nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực Dự án. Hoạt động của cán bộ công nhân viên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và một số chất thải nguy hại.

- Hoạt động vận chuyển phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

3. Dự báo các tác động của môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: chảy qua khu vực Dự án phát sinh khoảng 1.156,32 m^3/ngày.đêm tương đương 48,18m^3/h; thành phần, tính chất chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lở lửng, đất cát, độ đục,….

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: thi công phát sinh khoảng 0,5 m^3/ngày.đêm; thành phần, tính chất chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xịt rửa bánh xe: 2 m^3/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng như bùn, đất.

- Nước phun tưới ẩm giảm thiểu bụi: lượng nước hầu hết thẩm thấu vào đất và bốc hơi.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn: chảy qua khu vực Dự án phát sinh khoảng 1.756,8 m^3/ngày.đêm tương đương 73,2m^3/h; thành phần, tính chất chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, đất cát, độ đục,….

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: thi công phát sinh khoảng 0,6 m^3/ngày.đêm; thành phần, tính chất chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xịt rửa bánh xe: 2 m^3/ngày.đêm, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng như bùn, đất.

- Nước phun tưới ẩm giảm thiểu bụi: lượng nước hầu hết thẩm thấu vào đất và bốc hơi.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, tập kết nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, lắp ghép công trình phụ trợ và từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại công trường; thành phần chủ yếu bụi, NO_2, SO_2, CO, VOC,...

b. Giai đoạn vận hành: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác đất san lấp, phương tiện vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ và từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại mỏ; thành phần chủ yếu bụi, NO_2, SO_2, CO, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a. Giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng 2,5 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (ni lon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh,...).

b. Giai đoạn vận hành: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng 3 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (ni lon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh,...).

3.2.2. Chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn xây dựng: sinh khối phát quang với khối lượng 126,35m^3, tầng đất phủ với khối lượng 1.917m^3; lượng đất phát sinh từ trong quá trình san gạt và làm đường, đào hố lắng, mương thoát nước và hố lưu đất tạm với tổng khối lượng 11.775m^3; thành phần chủ yếu sinh khối phát quang (cây bụi, cỏ dại, cành lá cây,...), đất tầng phủ (sét, bột, sạn dăm vụn lẫn rễ cây, mùn hữu cơ), chất thải từ hoạt động thi công (bùn, đất, đá,...).

b. Giai đoạn vận hành: sinh khối phát quang với khối lượng 247,6m^3; tầng đất phủ với khối lượng 5.943m^3; bùn thải từ nạo vét hố lắng, mương thoát nước với khối lượng 15m^3/lần nạo vét/năm tương đương 135m^3 trong suốt quá trình khai thác. Thành phần, tính chất: chủ yếu là sinh khối thực vật, đất sét lẫn cát, mùn thực vật có màu xám đen, xám nâu.

3.2.3. Chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, máy móc với khối lượng phát sinh khoảng 2kg/tháng với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, can đựng dầu thải và bóng đèn huỳnh quang,...

b. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, máy móc khai thác với khối lượng phát sinh khoảng 5kg/tháng với thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, can đựng dầu thải và bóng đèn huỳnh quang,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng cơ bản, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng đến sức khoẻ công nhân trên mỏ. Dự báo mức ồn giai đoạn này có thể đạt từ 78 - 90 dBA ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân khu vực mỏ nhưng ảnh hưởng không đáng kể tới khu vực dân cư.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công xây dựng cơ bản, phương tiện vận chuyển. Dự báo độ rung ở giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công nhưng ảnh hưởng không đáng kể tới khu vực dân cư.

b. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng đến sức khoẻ công nhân trên mỏ. Dự báo mức ồn giai đoạn này có thể đạt từ 78 - 90 dBA ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân khu vực mỏ nhưng ảnh hưởng không đáng kể tới khu vực dân cư.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển. Dự báo độ rung ở giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công nhưng ảnh hưởng không đáng kể tới khu vực dân cư.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng: Dự án thực hiện thu hồi, chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng với tổng diện tích 2,62ha.

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái trong khu vực: hoạt động đào xúc khai thác đất làm biến dạng địa hình đồi núi ban đầu, cảnh quan thay đổi.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng san lấp, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, tăng tỉ trọng công nghiệp địa phương, tăng nguồn thu ngân sách tỉnh qua các loại thuế; việc tập trung công nhân tại mỏ gây xáo trộn, mâu thuẫn, mất trật tự an ninh xã hội.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố sạt lở đất, xói mòn, bồi lấp đất, sự cố tai nạn lao động, sự cố do thiên tai thời tiết, sự cố cháy rừng, vỡ hồ lắng,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn xây dựng

* Nước mưa chảy tràn:

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi.

- Đầm nén mặt bằng kịp thời chống lầy hóa, rửa trôi.

- Thực hiện thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh, không để cuốn theo nước mưa chảy tràn.

- Mương thu gom và thoát nước mỏ: đào hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn rộng mặt trên 1,5m; rộng đáy 0,5m; sâu 1,0m có chiều dài 400m về hố lắng và từ hố lắng ra nguồn tiếp nhận.

- Đào hố lắng có kích thước 15m x 10m x 2m; tổng thể tích hố lắng là 300m^3, được bố trí tại mốc số 3 của mỏ. Hố lắng được ép chặt bằng máy xúc từ đáy lên thành hố lắng để đảm bảo không bị sạt lở, phía trên thành hố lắng được đắp cao hơn môi trường xung quanh và cố định bằng đất đầm chặt;

- Đặt cống thoát nước BTCT có đường kính 0,4m chiều dài 8m để thoát nước từ hố lắng ra ngoài môi trường.

* Nước thải sinh hoạt: lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động bằng composite, bồn chứa nước thải sinh hoạt có dung tích 2m^3/bồn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý đúng quy định. Đối với nước rửa tay chân thu gom theo rãnh thoát nước vào hố lắng để xử lý.

* Nước thải xịt rửa bánh xe: nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe chủ yếu chứa cặn đất, chất rắn lở lửng sẽ thu gom vào hố lắng có kích thước dài x rộng x sâu = 3m x 2m x 1,2m, thể tích 7,2m^3 tại khu vực cổng ra vào nằm ở phía Tây Bắc khu vực Dự án. Nước thải sau khi xử lý được tuần hoàn tái sử dụng.

b. Giai đoạn vận hành

* Nước mưa chảy tràn:

- Tiếp tục sử dụng các công trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn đã được áp dụng từ giai đoạn xây dựng.

- Thực hiện khai thác theo hệ thống khai thác và trình tự khai thác đã được thiết kế và phê duyệt. Khai thác đến đâu thì khai thác hết theo thiết kế đến đó, giảm thiểu bốc xúc, cày xới khai trường trên diện tích lớn.

- Thu gom đất rơi vãi phát sinh trong quá trình khai thác, thu gom đất tập kết trong khu vực khai thác vào mùa mưa.

- Thực hiện nghiêm túc việc thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt. Tuyệt đối không để chất thải rắn, chất thải nguy hại rơi vãi hoặc lưu giữ chất thải trên khai trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trước và sau mưa.

* Nước thải sinh hoạt: tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh đã lắp đặt trong giai đoạn xây dựng.

* Nước thải xịt rửa bánh xe: sử dụng cầu rửa xe và tiếp tục sử dụng hố lắng trong giai đoạn xây dựng.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý nước thải sinh hoạt; không được phép xả thải ra môi trường khi chưa xử lý.

- Việc xử lý nước thải từ Dự án phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công còn hạn đăng kiểm; bảo dưỡng các phương tiện chuyên chở, thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định.

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục, làm tới đâu gọn tới đó, không làm tơi đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát bụi.

- Xây dựng cầu rửa xe tại cổng ra vào trên đường nội mỏ: kết cấu bằng bê tông xi măng dài 12m, rộng 3,5m, sâu 0,3m để rửa sạch bánh xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa sạch bánh xe trước khi đi ra khỏi mỏ.

- Tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường với tần suất tưới ẩm là 02 lần/ngày, lượng nước tiêu hao khoảng 2 m^3/ngày.đêm.

- Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển với tần suất tưới ẩm là 2-4 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển không chở quá trọng tải và được phủ bạt che kín thùng xe nhằm giảm thiểu đất văng và giảm thiểu bụi phát sinh.

- Gia cố, làm sạch đường vận chuyển thường xuyên để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Sử dụng loại nhiên liệu đúng theo thiết kế của phương tiện sử dụng, ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

b. Giai đoạn vận hành

- Tiếp tục sử dụng cầu rửa xe trong quá trình xây dựng để xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi mỏ.

- Tưới ẩm tại những vị trí phát sinh bụi trong khu vực khai trường với tần suất tưới ẩm là 2-4 lần/ngày.

- Tưới ẩm tuyến đường vận chuyển với tần suất tưới ẩm là 2 – 6 lần/ngày.

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt... để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa.

- Phủ bạt che kín thùng xe vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyển. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công công trình để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ.

- Sử dụng loại nhiên liệu đúng theo thiết kế của phương tiện sử dụng, ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

* Yêu cầu bảo vệ môi trường: thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành của Dự án. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thực hiện đầy đủ công trình, biện pháp thu gom giảm thiểu bụi, khí thải theo đúng quy định.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 2,25m^2, có mái che bằng tôn. Bố trí 03 thùng composite có nắp đậy, dung tích 50l có màu màu sắc khác nhau, dán nhãn để phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An (01 thùng chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa chất thải tái chế và 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt khác). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật thu được từ quá trình phát quang thảm thực vật: cho các chủ đất tận thu làm củi, phần cành lá tập trung để ủ hoai làm phân bón cho cây trồng; không để lại mỏ các loại tàn dư như vỏ keo, lá cây, cành nhỏ đảm bảo bề mặt sạch sẽ trước khi tiến hành khai thác; được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định;

+ Đất tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác được lưu giữ tại bãi lưu trữ đất của Dự án bố trí tại phía Đông Bắc trong khu vực mỏ, gần mốc số 2, diện tích 1.500m^2;

+ Đối với đất đào phát sinh từ quá trình làm đường, đào hố lắng, đào mương thoát nước, đào hố lưu giữ đất: lượng đất được đào từ thân khoáng sản

đảm bảo làm vật liệu san lấp và được bán cho khách hàng ngay từ năm đầu tiên khai thác.

b. Giai đoạn vận hành

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối thực vật phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng;

+ Chất thải rắn từ quá trình nạo vét hố lắng và mương thoát nước: lưu giữ tại bãi lưu trữ đất của Dự án bố trí tại phía Đông Bắc, gần mốc số 2, diện tích 1.500m^2 để hoàn thổ và cải tạo, phục hồi môi trường sau này;

+ Lớp đất phủ, đất bóc hữu cơ: được lưu giữ tại bãi lưu trữ đất của Dự án bố trí tại phía Đông Bắc, gần mốc số 2, diện tích 1.500m^2 để hoàn thổ và cải tạo, phục hồi môi trường sau này.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và khai thác của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng

- Hạn chế thay dầu máy móc tại khu vực mỏ mà đưa ra cơ sở sửa chữa thay dầu mỡ.

- Trong điều kiện phải sửa chữa máy móc tại chỗ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giẻ lau dính dầu mỡ, lưu giữ đúng nơi quy định.

- Bố trí 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại cạnh container với diện tích 2,25m^2 (được bọc kín bằng tôn kín; có mái che; dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; kích thước khoảng 1,5m x 1,5m; mặt sàn không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đặt ở phía Bắc của mỏ) trong đó bố trí 03 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

b. Giai đoạn vận hành: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

* Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết.

b. Giai đoạn vận hành: tiếp tục thực hiện biện pháp như giai đoạn xây dựng.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Cải tạo đai bảo vệ, khu vực khai thác

- Diện tích khu vực đai bảo vệ sau khi kết thúc khai thác là 10.350m^2, đổ đất màu với chiều dày 0,4m, khối lượng đất màu cần sử dụng là 4.140m^3.

- Diện tích đáy moong khai thác là 3.600m^2, diện tích đào mương thoát nước đáy moong là 204m^2. Đổ đất màu với chiều dày 0,9m – 1,1m, diện tích khu vực đổ đất màu 3.396m^2 đối với phần đáy moong có cao độ +28m, khối lượng 3.420m^3.

- San lấp hố lắng tại khu vực gần mốc số 3 với tổng khối lượng 300m^3.

- Tổng khối lượng đất màu cần để cải tạo là 7.860m^3, chủ Dự án sẽ tận dụng 7.680m^3 đất tầng phủ, đất bóc hữu cơ đã được lưu trữ tại khu vực bãi thải tại mỏ để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Trồng cây keo lá tràm phủ xanh khu vực đai bảo vệ và đáy moong với mật độ trồng 1.660 cây/ha (tỷ lệ trồng dặm 10%, tương đương 1.826 cây/ha) trên diện tích 1,3746ha (trong đó đai bảo vệ có diện tích là 1,035ha và phần đáy moong là 0,3396ha). Vậy số cây phải trồng là 2.511 cây.

- Thời gian thực hiện: sau khi kết thúc quá trình khai thác.

b. Cải tạo bờ taluy moong khai thác

- Thực hiện vãi 10kg hạt cỏ/ha trên bờ taluy với diện tích 1,225ha.

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

c. Lắp đặt biển báo, xây dựng hàng rào xung quanh khu vực khai thác

- Chu vi khu vực khai thác cần lắp đặt biển báo là 778m, số lượng biển báo cần lắp đặt trên khu mỏ là 8 cái tương ứng với 8 cột biển báo, biển cách biển 100m. Biển báo được làm bằng bê tông cốt thép hình vuông, kích thước 0,6m x 0,6m, cột biển báo bằng bê tông cốt thép cao 2,7m, chôn sâu 0,5m.

- Lắp đặt thêm 195 cột trụ bê tông xen giữa các biển báo, cột trụ cao 2,0m (chôn sâu 0,5m), cột cách cột 4m.

- Lắp hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực khai thác. Lưới thép gai đan bằng các dây thép gai cách nhau 25cm, chiều rộng lưới là 1m, cần 4 hàng dây thép gai, các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa các cột trụ bê tông với tổng chiều dài 778m. Diện tích lưới thép cần lắp đặt là 778m^2.

- Thời gian thực hiện: trong thời gian xây dựng cơ bản.

d. Công tác tạo hệ thống thoát nước cho đáy moong

- Đào mương thoát nước xung quanh đáy moong với kích thước 40cm x 60cm x 40cm; chiều dài 340m. Tổng khối lượng cần phải thi công là 68m^3.

- Thời gian thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

e. Khu vực phụ trợ phục vụ khai thác

- Tháo dỡ và di dời nhà Container, kho chất thải rắn, chất thải nguy hại...với khối lượng 10 tấn; tháo dỡ trạm cân với khối lượng 15 tấn. Tháo dỡ biển báo ở hố lưu giữ đất.

- Thời điểm thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

f. Cải tạo phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mỏ

- Sau khi kết thúc khai thác mỏ tiến hành cải tạo tuyến đường vận tải từ mỏ đến đường huyện lộ ĐH349C. Tuyến đường dài 90m, chiều rộng lòng đường trung bình cần cải tạo là 7m. Diện tích cần cải tạo để san gạt và lu lèn là 630m^2.

- Thời điểm thực hiện: sau khi kết thúc khai thác.

g. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 397.433.071 đồng.

- Số lần ký quỹ: 9 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 99.358.268 đồng;

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 2 đến lần thứ 9, mỗi lần ký quỹ với số tiền là: 37.259.350 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm: thời điểm ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công số chỉ số giá tiêu dùng của năm trước ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố do xói mòn, trượt lở:

+ Thi công các hạng mục công trình, khai thác đúng thiết kế, nhất là công tác đầm nén mặt bằng kỹ, tránh hiện tượng sụt lún, lở đất;

+ Thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, đặc biệt là những nơi có độ dốc lớn và xử lý các vấn đề có nguy cơ xảy ra xói mòn trượt lở khi có mưa.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố do mưa bão, thiên tai:

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, taluy đường, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành gia cố và xử lý ngay;

+ Bố trí cán bộ quản lý môi trường tại mỏ đảm nhận trách nhiệm theo dõi các hiện tượng thời tiết bất thường và giám sát sự an toàn của các công trình;

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Lập phương án phòng chống lụt bão, liên hệ với địa phương để phối hợp ứng cứu khi có sự cố xảy ra, không sản xuất trong những ngày mưa bão.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

+ Trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ bố trí các điểm tránh xe lên xuống và cắm các biển báo báo hiệu;

+ Khi làm việc, yêu cầu công nhân mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật an toàn và nội quy an toàn lao động;

+ Đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên;

+ Trang bị đầy đủ và có hiệu quả các thiết bị bảo hộ lao động và có kế hoạch kiểm tra sức khoẻ cán bộ công nhân viên định kỳ hàng năm nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp;

+ Giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động bao gồm cả các chế độ liên quan đến sự cố theo luật lao động.

- Đối với sự cố cháy nổ, cháy rừng:

+ Đảm bảo an toàn trong sử dụng điện;

+ Tất cả các cán bộ công nhân viên phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành;

+ Xây dựng các phương án và nội quy an toàn về phòng chống cháy nổ.

- Sự cố sạt lở hố lắng:

+ Thường xuyên kiểm tra hố lắng, trước và sau những ngày thời tiết mưa;

+ Lắp đặt hàng rào thép gai, biển báo nguy hiểm xung quanh hố lắng để đề phòng sự cố cho con người và vật nuôi.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành

** Giám sát chất rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực thực hiện Dự án;

- Nội dung: giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy chuẩn so sánh: Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giám sát khác

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường 2020; điểm b khoản 1 Điều 97, điểm c khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, bụi, khí thải và tiếng ồn.

- Nội dung: giám sát xói mòn, trượt lở, giám sát cháy nổ.

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ;

+ Thời gian: giám sát hàng ngày.

- Nội dung: giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

+ Vị trí giám sát: toàn bộ khu vực thực hiện Dự án;

+ Nội dung giám sát: khối lượng phát sinh; phân loại các loại chất thải phát sinh và công tác thu gom, quản lý theo quy định;

+ Thời gian: giám sát hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và khai thác mỏ.

6.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án; chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.4. Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở; chỉ được xây dựng và khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.5. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.6. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng sạt lở, khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

6.7. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo phục hồi môi trường, chế độ thông tin báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định hiện hành.

6.8. Thực hiện mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.9. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.10. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.11. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn và Công văn ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban mặt trận Tổ quốc xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn.

6.12. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền.

6.13. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây sự cố môi trường./.